

**Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

**Báo cáo tài chính**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013**  
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập  
và Báo cáo của Ban Giám đốc



# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013  
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

## 1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Tuấn Tú	Chủ tịch	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008	16 tháng 7 năm 2013
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	16 tháng 7 năm 2013
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	16 tháng 7 năm 2013

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng ban	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	16 tháng 7 năm 2013
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Lương Ái Trúc	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	16 tháng 7 năm 2013

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Lê Công Việt	Phó Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	20 tháng 8 năm 2013

## 2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trong yếu tố đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng Chế độ kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

### 3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 11 năm 2013

**BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Số: 131-21-13 (FY 2013)

**Gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối Kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 4 đến trang 30.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo Tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận**

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA**

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



**NGUYỄN QUỐC TUẤN**

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số: 0253-2013-068-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 11 năm 2013

**NGUYỄN MẠNH TUẤN**

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số: 0817-2013-068-1

Kiểm toán viên

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.737.413.579</b>	<b>175.236.565.389</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	25.137.796.195	62.386.046.973
Tiền	111		9.670.796.195	5.919.046.973
Các khoản tương đương tiền	112		15.467.000.000	56.467.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.222.400.000	11.460.400.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	4	38.222.400.000	11.460.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.577.027.427	80.145.482.626
Phải thu khách hàng	131	31	47.652.793.003	31.840.035.766
Trả trước cho người bán	132		3.188.164.306	656.259.595
Phải thu khác	135	5; 31	5.797.117.789	48.674.067.135
Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(1.061.047.671)	(1.024.879.870)
Hàng tồn kho	140	7	12.784.007.485	17.036.736.700
Hàng tồn kho	141		14.787.337.627	19.122.999.576
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.003.330.142)	(2.086.262.876)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.016.182.472	4.207.899.090
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.821.630.276	1.730.529.864
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	259.463.903
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	153		-	1.081.030.526
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.194.552.196	1.136.874.797
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.782.793.725</b>	<b>36.117.104.214</b>
Tài sản cố định	220		1.470.248.077	680.127.032
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.468.419.970	541.948.586
- Nguyên giá	222		3.175.460.163	3.588.309.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.707.040.193)	(3.046.360.707)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.828.107	20.109.441
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.859.893)	(89.578.559)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	-	118.069.005
Bất động sản đầu tư	240	13	5.956.190.703	9.232.221.064
- Nguyên giá	241		40.101.109.434	39.999.680.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.144.918.731)	(30.767.459.720)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.658.011.558	22.279.558.608
Đầu tư vào công ty con	251	14	16.629.330.000	16.629.330.000
Đầu tư dài hạn khác	258	15	5.028.681.558	5.650.228.608
Tài sản dài hạn khác	260		3.698.343.387	3.925.197.510
Chi phí trả trước dài hạn	261		936.965.811	1.042.797.884
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	26.619.888	36.888.698
Tài sản dài hạn khác	268	16	2.734.757.688	2.845.510.928
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>167.520.207.304</b>	<b>211.353.669.603</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>			<b>56.320.921.015</b>	<b>64.935.329.591</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			<b>48.613.906.438</b>	<b>56.658.263.821</b>
Vay ngắn hạn	311	17		-	2.318.930.188
Phải trả người bán	312	31		33.436.531.888	26.928.046.280
Người mua trả tiền trước	313			4.011.842.661	2.988.801.256
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18		3.846.746.185	15.086.098.001
Phải trả người lao động	315			535.667.189	2.500.000
Chi phí phải trả	316	19		858.146.282	558.193.744
Phải trả khác	319	20; 31		3.484.727.632	6.001.633.833
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			1.035.228.799	1.049.278.795
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			1.405.015.802	1.724.781.724
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>7.707.014.577</b>	<b>8.277.065.770</b>
Doanh thu chưa thực hiện	338			6.627.168.765	7.058.045.834
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			1.079.845.812	1.219.019.936
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>			<b>111.199.286.289</b>	<b>146.418.340.012</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>		<b>111.199.286.289</b>	<b>146.418.340.012</b>
Vốn cổ phần	411			92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412			6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414			(1.007.355.357)	(1.007.355.357)
Quỹ dự phòng tài chính	418			2.470.381.831	2.206.932.831
Lợi nhuận chưa phân phối	420			11.288.441.683	46.770.944.406
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>			<b>167.520.207.304</b>	<b>211.353.669.603</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 11 năm 2013



Người phê duyệt: 

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	78.446.299.557	59.813.193.865
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	22	(12.036.000)	(44.114.220)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	78.434.263.557	59.769.079.645
Giá vốn hàng bán	11	23; 32	(57.644.555.146)	(42.388.918.770)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.789.708.411	17.380.160.875
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.483.033.246	6.047.092.841
Chi phí tài chính	22	25	(159.583.148)	(30.659.946)
Chi phí bán hàng	24	32	(4.830.235.430)	(4.960.430.248)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	(5.498.640.616)	(4.753.884.433)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.784.282.463	13.682.279.089
Thu nhập khác	31	26	319.790.654	394.715.712
Chi phí khác	32	27	(126.471.269)	(65.716.709)
Lợi nhuận khác	40		193.319.385	328.999.003
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.977.601.848	14.011.278.092
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	(2.954.922.761)	(2.085.557.631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(10.268.810)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	21	11.012.410.277	11.925.720.461

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập: 




PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 11 năm 2013



Người phê duyệt:

  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		13.977.601.848	14.011.278.092
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.654.442.959	3.528.818.092
Thay đổi các khoản dự phòng	03		(46.764.933)	749.990.720
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	04		(98.395.982)	(302.012.584)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.483.033.246)	(5.953.952.866)
Chi phí lãi vay	06		49.945.114	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		14.053.795.760	12.034.121.454
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(12.176.779.878)	16.109.261.943
Giảm hàng tồn kho	10		4.335.661.949	508.230.456
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		5.417.420.858	(13.671.912.911)
Tăng chi phí trả trước	12		234.976.838	223.069.489
Tiền lãi vay đã trả	13		(49.945.114)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.963.219.461)	(1.930.549.330)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		149.554.846	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(801.424.046)	(827.730.641)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/ cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		(3.799.958.248)	12.444.490.460
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.390.382.838)	(815.903.512)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		210.000.000	345.501.409
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.300.000.000)	(6.779.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.159.547.050	19.349.446.843
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		-	(12.000.000.000)
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26		31.061.186.970	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.264.928.976	2.457.806.237
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư	30		14.005.280.158	2.557.350.977
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(721.230.225)
Tiền vay nhận được	33		17.400.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19.718.930.188)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.134.642.500)	(16.570.602.300)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(47.453.572.688)	(17.291.832.525)

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

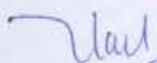
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		(37.248.250.778)	(2.289.991.088)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3	62.386.046.973	20.960.553.903
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3	25.137.796.195	18.670.562.815

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Trong kỳ có giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Phải trả thuế thu nhập cá nhân cho các cổ đông đã nhận cổ tức	754.337.500	-

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 11 năm 2013



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Công ty là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý kỹ gởi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây dựng dân dụng; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán đồng, sắt, thép; mua bán hóa chất, nồi hơi, thiết bị hàn và sản phẩm tiết kiệm năng lượng; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông; sản xuất hóa chất; sản xuất accu điện, bộ phận cấp điện liên tục UPS; sản xuất phần mềm tin học; đại lý cung cấp dịch vụ Internet.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	4.129.249	44,71%	4.129.249	44,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh	1.647.000	17,83%	-	-
Ông Võ Hùng VI	354.696	3,84%	-	-
Ông Trương Thái Quảng	265.274	2,87%	-	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	108.339	1,17%	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	57.034	0,62%	182.034	1,97%
Ông Lâm Thiệu Quân	55.439	0,60%	-	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	15.955	0,17%	-	-
Vietnam Infrastructure Holding Limited	-	-	1.767.536	19,14%
Cổ phiếu quỹ	58.650	0,63%	58.650	0,63%
Các cổ đông khác	2.544.810	27,56%	2.555.638	27,67%
	<b>9.236.446</b>	<b>100,00%</b>	<b>9.236.446</b>	<b>100,00%</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 66 nhân viên (31 tháng 3 năm 2013: 73 nhân viên).

## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

#### **2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

#### **2.2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

#### **2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VND trên báo cáo của Công ty phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **2.4. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **2.5. Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### ***Các tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

### Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả, phải trả khác và dự phòng phải trả ngắn hạn.

### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu cho việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### 2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

### 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

#### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

### 2.10. Tài sản cố định vô hình

#### Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.12. Bất động sản đầu tư

#### Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

#### Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

### 2.13. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

### 2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 2.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 2.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

## **Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### *2.17. Doanh thu*

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

### *2.18. Thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

### *2.19. Chi phí vay*

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

### *2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

### *2.21. Các bên liên quan*

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

### 2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

### 2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

### 2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Tiền mặt	395.350.586	1.723.878.548
Tiền gửi ngân hàng	9.275.445.609	4.195.168.425
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	15.467.000.000	56.467.000.000
	<b>25.137.796.195</b>	<b>62.386.046.973</b>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	817	837
- Euro ("EUR")	198	203

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	37.511.000.000	539.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Inno, công ty con và không tính lãi suất	461.400.000	461.400.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh, bên liên quan với lãi suất 12,60% một năm	250.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ với lãi suất 16,20% một năm (2013: 16,20% một năm)	-	10.460.000.000
	<b>38.222.400.000</b>	<b>11.460.400.000</b>

### 5. Phải thu khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Phải thu lãi cho vay	2.888.466.047	2.290.361.777
Phải thu cổ tức	1.632.000.000	9.012.000.000
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	30.002.973.940
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ	-	2.850.000.000
Khoản vay cung cấp cho các công ty liên quan	-	1.950.000.000
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	1.058.213.030
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	-	110.000.000
Phải thu phí tiện ích	60.989.131	80.456.228
Phải thu khác	215.662.611	320.062.160
	<b>5.797.117.789</b>	<b>48.674.067.135</b>

### 6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	1.024.879.870	888.105.809
Dự phòng tăng trong kỳ	36.167.801	921.304.277
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(784.530.216)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.061.047.671</b>	<b>1.024.879.870</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 7. Hàng tồn kho

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên vật liệu	2.586.212.266	2.648.873.900
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.533.960.760	7.288.022.199
Thành phẩm	167.247.815	418.215.642
Hàng hóa	7.499.916.786	8.767.887.835
	<b>14.787.337.627</b>	<b>19.122.999.576</b>
Dự phòng hàng tồn kho	(2.003.330.142)	(2.086.262.876)
	<b>12.784.007.485</b>	<b>17.036.736.700</b>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	2.086.262.876	1.665.961.935
Dự phòng tăng trong kỳ	-	420.300.941
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(82.932.734)	-
Số dư cuối kỳ	<b>2.003.330.142</b>	<b>2.086.262.876</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Dụng cụ văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	1.489.537.153	230.905.429	10.087.282	-	1.730.529.864
Tăng trong kỳ	3.286.765.280	995.858.354	-	110.897.472	4.393.521.106
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	102.176.172	-	-	102.176.172
Phân bổ trong kỳ	(3.264.430.878)	(1.041.929.014)	(589.100)	(97.647.874)	(4.404.596.866)
Số dư cuối kỳ	<b>1.511.871.555</b>	<b>287.010.941</b>	<b>9.498.182</b>	<b>13.249.598</b>	<b>1.821.630.276</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Tạm ứng	971.621.009	875.142.004
Đặt cọc ngắn hạn	222.931.187	261.732.793
	<b>1.194.552.196</b>	<b>1.136.874.797</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	139.106.240	361.322.879	2.289.230.995	798.649.179	3.588.309.293
Tăng trong kỳ	94.132.098	-	1.187.122.727	-	1.281.254.825
Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(285.257.293)	-	(655.312.262)	(940.569.555)
Thanh lý	-	-	(753.534.400)	-	(753.534.400)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>233.238.338</b>	<b>76.065.586</b>	<b>2.722.819.322</b>	<b>143.336.917</b>	<b>3.175.460.163</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	(31.041.314)	(310.475.768)	(2.055.333.407)	(649.510.218)	(3.046.360.707)
Hao mòn trong kỳ	(15.839.795)	(7.257.712)	(198.180.905)	(31.328.857)	(252.607.269)
Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	267.670.245	-	570.723.138	838.393.383
Thanh lý	-	-	753.534.400	-	753.534.400
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(46.881.109)</b>	<b>(50.063.235)</b>	<b>(1.499.979.912)</b>	<b>(110.115.937)</b>	<b>(1.707.040.193)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	108.064.926	50.847.111	233.897.588	149.138.961	541.948.586
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>186.357.229</b>	<b>26.002.351</b>	<b>1.222.839.410</b>	<b>33.220.980</b>	<b>1.468.419.970</b>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.369 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31 tháng 3 năm 2013: 1.369 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	109.688.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	(89.578.559)
Hao mòn trong kỳ	(18.281.334)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(107.859.893)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	20.109.441
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.828.107</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	118.069.005	1.236.518.921
Tăng trong kỳ	102.900.740	581.311.417
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(102.900.740)	(1.636.761.333)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(118.069.005)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>118.069.005</b>

### 13. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	39.999.680.784
Tăng trong kỳ	6.227.273
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	102.900.740
Thanh lý	(7.699.363)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.101.109.434</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(30.767.459.720)
Hao mòn trong kỳ	(3.383.554.356)
Thanh lý	6.095.345
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(34.144.918.731)</b>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	9.232.221.064
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.956.190.703</b>

### 14. Đầu tư vào công ty con

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	% sở hữu	VND	% sở hữu	VND
Công ty Cổ phần Inno (*)	99,96%	14.994.000.000	99,96%	14.994.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	51,00%	1.635.330.000	51,00%	1.635.330.000
		<b>16.629.330.000</b>		<b>16.629.330.000</b>

(\*) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0303655453 ngày 24 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư 14.994 triệu VNĐ, tương đương 99,96% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 15. Đầu tư dài hạn khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	2.098.129.558	2.719.676.608
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
	<b>5.028.681.558</b>	<b>5.650.228.608</b>

- (a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với số tiền là 100.000 USD.  
(b) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

### 16. Tài sản dài hạn khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Đặt cọc tiền thuê	2.080.850.000	2.179.350.000
Thế chấp tại ngân hàng để bảo lãnh cho các hợp đồng kinh tế	126.347.688	138.600.928
Đặt cọc khác	527.560.000	527.560.000
	<b>2.734.757.688</b>	<b>2.845.510.928</b>

### 17. Vay ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 9,5% đến 11% một năm (2013: 11,8% đến 18,5% một năm)	-	2.318.930.188

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	215.518.507	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	175.636.521
Thuế xuất nhập khẩu	-	34.474.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.740.867.461	14.749.164.161
Thuế thu nhập cá nhân	890.360.217	126.822.647
	<b>3.846.746.185</b>	<b>15.086.098.001</b>

### 19. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 trình bày chi phí vận chuyển, lắp đặt và chi phí nhân công trạm cho các dự án của công ty.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 20. Phải trả khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Khoản vay phải trả các bên liên quan và thành viên Hội đồng Quản trị (*)	1.091.562.217	1.491.562.217
Quỹ phúc lợi phải trả công ty mẹ	124.151.400	40.898.290
Phí tiện ích	92.554.168	89.359.026
Tiền thuê đất từ bên liên quan	21.683.333	169.683.333
Phải trả khác	2.154.776.514	4.210.130.967
	<b>3.484.727.632</b>	<b>6.001.633.833</b>

(\*) Khoản vay các bên liên quan và thành viên Hội đồng Quản trị không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

### 21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, 1 tháng 1 năm 2012	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	4.076.216.022	13.554.441.037	115.792.350.059
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	64.287.870.669	64.287.870.669
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.748.398.300)	(25.748.398.300)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.213.609.000	(5.322.969.000)	(2.109.360.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(721.230.225)	-	-	(721.230.225)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	-	-	-	(5.082.892.191)	-	(5.082.892.191)
Số dư, 1 tháng 4 năm 2013	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.206.932.831	46.770.944.406	146.418.340.012
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	11.012.410.277	11.012.410.277
Chia cổ tức	-	-	-	-	(45.888.980.000)	(45.888.980.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	263.449.000	(605.933.000)	(342.484.000)
Số dư, 30 tháng 9 năm 2013	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.470.381.831	11.288.441.683	111.199.286.289

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(58.650)	(1.007.355.357)	(58.650)	(1.007.355.357)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	9.177.796	91.357.104.643	9.177.796	91.357.104.643

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Doanh thu bán hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	62.948.547.660	44.752.026.866
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	15.497.751.897	15.061.166.999
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>78.446.299.557</b>	<b>59.813.193.865</b>
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(12.036.000)	(44.114.220)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>78.434.263.557</b>	<b>59.769.079.645</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Giá vốn của hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	48.530.337.297	33.846.556.544
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	9.114.217.849	8.542.362.226
	<b>57.644.555.146</b>	<b>42.388.918.770</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.836.371.160	2.347.250.286
Lãi cho vay	614.991.250	281.881.892
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.670.836	60.820.688
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.264.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	93.139.975
	<b>3.483.033.246</b>	<b>6.047.092.841</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.638.034	30.659.946
Chi phí lãi vay	49.945.114	-
	<b>159.583.148</b>	<b>30.659.946</b>



## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 26. Thu nhập khác

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	219.039.864	13.575.997
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	100.000.000	345.501.409
Thu nhập khác	750.790	35.638.306
	<b>319.790.654</b>	<b>394.715.712</b>

### 27. Chi phí khác

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	124.852.250	5.114.325
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	1.604.018	43.488.825
Chi phí khác	15.001	17.113.559
	<b>126.471.269</b>	<b>65.716.709</b>

### 28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

#### Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	3.510.960.462	2.085.557.631
Dự phòng thừa những năm trước	(556.037.701)	-
	<b>2.954.922.761</b>	<b>2.085.557.631</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	10.268.810	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.965.191.571</b>	<b>2.085.557.631</b>

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013		Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.977.601.848		14.011.278.092	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	3.494.400.462	25,00%	3.502.819.523	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	16.560.000	0,12%	-	-
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	-	-	(816.000.000)	(5,82%)
Giảm thuế	-	-	(601.261.892)	(4,29%)
Chênh lệch do thay đổi thuế suất	10.268.810	0,07%	-	-
Dự phòng thừa những năm trước	(556.037.701)	(3,98%)	-	-
	<b>2.965.191.571</b>	<b>21,21%</b>	<b>2.085.557.631</b>	<b>14,89%</b>

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2013	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại 30 tháng 9 năm 2013
Chi phí bảo hành phải trả	36.888.698	(10.268.810)	26.619.888

### 29. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 30. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Chế độ và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là VNĐ. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
	USD	USD
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	817	837
Trả trước cho người bán	135.502	24.714
	<b>136.319</b>	<b>25.551</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	204.472	150.162

### Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Công ty theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến lại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

### Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

### Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Công ty. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
<b>30 tháng 9 năm 2013</b>			
Phải trả người bán	33.071.087.610	365.444.278	33.436.531.888
Người mua trả tiền trước	4.011.842.661	-	4.011.842.661
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà nước	3.846.746.185	-	3.846.746.185
Chi phí phải trả	858.146.282	-	858.146.282
Phải trả khác	627.207.144	2.857.520.488	3.484.727.632
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.035.228.799	-	1.035.228.799
	<b>43.450.258.681</b>	<b>3.222.964.766</b>	<b>46.673.223.447</b>
<b>31 tháng 3 năm 2013</b>			
Vay ngắn hạn	2.318.930.188	-	2.318.930.188
Phải trả người bán	26.594.948.905	333.097.375	26.928.046.280
Người mua trả tiền trước	2.988.801.256	-	2.988.801.256
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà nước	15.086.098.001	-	15.086.098.001
Chi phí phải trả	287.385.980	270.807.764	558.193.744
Phải trả khác	4.952.276.567	1.049.357.266	6.001.633.833
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.049.278.795	-	1.049.278.795
	<b>53.277.719.692</b>	<b>1.653.262.405</b>	<b>54.930.982.097</b>

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh của Công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
<b>30 tháng 9 năm 2013</b>			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.222.400.000	-	38.222.400.000
Phải thu khách hàng	46.366.998.279	1.285.794.724	47.652.793.003
Trả trước cho người bán	3.188.164.306	-	3.188.164.306
Phải thu khác	4.381.014.080	1.416.103.709	5.797.117.789
Tài sản ngắn hạn khác	1.194.552.196	-	1.194.552.196
Đầu tư dài hạn khác	-	5.028.681.558	5.028.681.558
Tài sản dài hạn khác	2.734.757.688	-	2.734.757.688
	<b>96.087.886.549</b>	<b>7.730.579.991</b>	<b>103.818.466.540</b>
<b>31 tháng 3 năm 2013</b>			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.460.400.000	-	11.460.400.000
Phải thu khách hàng	30.554.241.042	1.285.794.724	31.840.035.766
Trả trước cho người bán	623.532.124	32.727.471	656.259.595
Phải thu khác	47.532.683.802	1.141.383.333	48.674.067.135
Tài sản ngắn hạn khác	1.136.874.797	-	1.136.874.797
Đầu tư dài hạn khác	-	5.650.228.608	5.650.228.608
Tài sản dài hạn khác	2.845.510.928	-	2.845.510.928
	<b>94.153.242.693</b>	<b>8.110.134.136</b>	<b>102.263.376.829</b>

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

### 31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
		30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	47.000.000	320.000.000
	Mượn tạm	(600.000.000)	-
Ban Giám đốc	Tạm ứng	6.500.000	8.000.000

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
<b>Các khoản phải thu</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	26.000.000	-
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	-	106.807.318
<b>Các khoản phải trả</b>			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	(100.000.000)	-

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
	30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.217.153.409	1.200.189.489

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và thành phẩm	48.635.000	95.009.000
		Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(1.121.487.636)	(1.143.077.276)
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(819.617.091)	(792.569.431)
		Phải thu chi phí tiện ích	16.730.107	44.177.502
		Cho vay	-	40.500.000
		Cho mượn tiền	-	3.250.000.000
		Lãi cho vay	456.024.667	146.765.850
		Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(158.069.400)	(461.787.724)
		-	-	-
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Bán hàng hóa và thành phẩm	-	14.482.104
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(20.731.146.898)	(9.396.498.537)
		Chi hộ phí bảo lãnh	25.286.305	16.067.311
		Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	14.599.561	12.956.056
		Cho vay	6.200.000.000	-
		Cho mượn	5.000.000	895.000.000
		Lãi cho vay	44.313.500	990.000
		Thu nhập thu hộ tiền vi phạm hợp đồng	(124.852.250)	-
		Cổ tức đã trả	-	(1.632.000.000)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(990.500)
		Phải thu phí tiện ích	11.156.536	18.022.165
		Phải trả phí tiện ích	(300.000)	(277.500)
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	240.000.000	235.896.700
		Phải thu phí tiện ích	22.939.475	22.245.527
		Phải trả phí tiện ích	(165.000)	(1.862.500)
		Cho vay	-	33.000.000
		Lãi cho vay	-	363.000
		Cho mượn	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	-	23.707.000
		Phải thu phí tiện ích	12.178.615	14.013.047
		Phải trả phí tiện ích	(13.107.000)	(1.933.500)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	102.445.611	1.114.007.964
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.320.753.073)	(3.434.552.077)
		Phải thu phí tiện ích	19.574.639	30.368.917
		Phải trả phí tiện ích	(11.727.000)	(2.284.256)
		Cho vay	600.000.000	100.000.000
		Lãi cho vay	21.315.000	4.675.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	187.893.600	106.785.415
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(12.000.000)
		Phải thu phí tiện ích	-	(579.000)

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Góp vốn đầu tư	-	12.000.000.000
		Cho vay	-	5.647.000.000
		Chi hộ chi phí khác	10.578.000	3.439.000

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	24.403.500	-
		Phải thu phi thương mại	404.335.814	13.620.058.685
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải thu phi thương mại	1.646.360.346	3.588.131.466
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.529.832	6.679.778
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	9.856.366	29.194.035
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.466.739	7.576.855
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	72.155.600	339.472.792
		Phải thu phi thương mại	261.482.628	9.958.284
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Phải thu phi thương mại	498.275.510	487.697.510
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	59.908.860	296.091.730
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải trả thương mại	(235.887.446)	(254.405.185)
		Phải trả phi thương mại	(681.803.168)	(2.059.530.301)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải trả thương mại	(25.944.718.882)	(18.246.704.212)
		Phải trả phi thương mại	(13.263.500)	(14.329.374)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	-	(70.717.023)
		Phải trả phi thương mại	-	(170.343.663)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(75.013.893)	(161.480.789)
		Phải trả phi thương mại	(5.760.700)	(3.166.350)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(502.217.600)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(991.562.217)	(991.562.217)

Các khoản phải thu/(phải trả) từ/(cho) công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan là không được đảm bảo và không tính lãi.

## Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2012
Giá mua hàng hóa xuất bán	48.721.551.033	32.483.044.681
Chi phí nguyên vật liệu	321.337.251	2.633.447.947
Chi phí công nhân viên	7.437.051.154	5.908.899.308
Chi phí vật dụng văn phòng	223.758.481	237.858.937
Chi phí khấu hao	3.654.442.959	3.528.818.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.453.866.972	2.841.607.839
Chi phí khác	888.423.027	1.011.187.307

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 19 tháng 11 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc